

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH Thương Mại Giáp Thìn.
- 1.2. Địa chỉ: 15A Nguyễn Văn Cự, Khu Phố 7, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh/loại xe khác⁽¹⁾~~.
- 1.4. Nhãn hiệu: CFMOTO
- 1.5. Tên thương mại: 450MT
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): CF400-8F
- 1.7. Số giấy chứng nhận(2): 24KXM/276068
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6915/NECT-M/24/C, ngày 23/08/2024

2. Thông số kỹ thuật của Xe

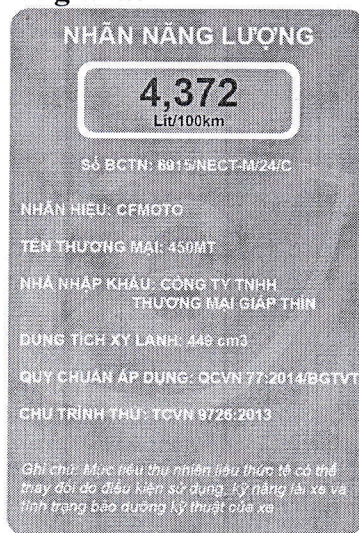
- 2.1. Khối lượng bản thân: 185 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 335 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: 272MQ-B Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 2 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 449 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 31/8500 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí/~~ phun nhiên liệu/~~khác⁽¹⁾~~
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động⁽¹⁾~~
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6 số
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,929/2,056/1,579/1,333/1,154/1,037/.
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 3,357.
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 90/90-21 54H, áp suất lốp: 225 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 140/70-18 67H, áp suất lốp: 225 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 152 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013/.⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 4,372 l/100km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI GIÁP THÌN



Giám Đốc
Ngô Thị Hồng Quế

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phân không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm